

# Hiệu quả thu thuế ở Việt Nam

Tại các quốc gia, việc thực thi một số chính sách thuế hiệu quả sẽ đảm bảo ổn định nguồn thu, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc các khoản thuế. Việc nâng cao hiệu quả thu thuế để vừa đảm bảo mục tiêu thu ngân sách nhà nước (NSNN), vừa tạo môi trường thuận lợi về thuế, giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế, luôn là yêu cầu đặt ra đối với mỗi quốc gia.

## 1. Kết quả tích cực trong hiệu quả thu thuế

Hệ thống thuế của Việt Nam đã được xây dựng khá đầy đủ, với 9 sắc thuế. Qua thời gian thực hiện, hệ thống chính sách thuế, phí, lệ phí tiếp tục được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện theo đúng định hướng và lộ trình triển khai Chiến lược cải cách hệ thống thuế, đảm bảo mục tiêu: (i) Xây dựng hệ thống chính sách thuế đồng bộ, công bằng, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (ii) Mức động viên hợp lý nhằm tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất trong nước; (iii) Là một trong những công cụ quản lý kinh tế vĩ mô có hiệu quả; (iv) Xây dựng ngành thuế Việt Nam hiệu quả; công tác quản lý thuế, phí và lệ phí thống nhất, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

### *Quy mô huy động từ thuế*

Tổng thu từ thuế, phí và lệ phí đạt bình quân 21,7% GDP trong giai đoạn 2011 - 2015 (mục tiêu kế hoạch là 22 - 23% GDP); 22,4% GDP trong giai đoạn 2016 - 2019 (mục tiêu là 21 - 22% GDP). Tốc độ tăng trưởng số thu thuế, phí lệ phí bình quân hằng năm đạt khoảng 12,6% trong giai đoạn 2011 - 2015 và 9,89% trong giai đoạn 2016 - 2019. So với các nước châu Âu, quy mô thu thuế theo GDP của Việt Nam là 22 - 24%, thấp hơn hẳn so với mức trung bình khoảng 30% GDP. Trong đó, một số nước có

quy mô huy động từ thuế cao như Đan Mạch là 44% GDP, Thụy Điển 41% GDP, Anh 27% GDP. Việt Nam là nước có mức thu nhập trung bình, các nguồn lực còn hạn chế, nên việc huy động nguồn thuế gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, nếu so với các nước tương đồng hoặc trong khu vực châu Á, thì quy mô động viên từ thuế ở Việt Nam tương đối tốt<sup>1</sup>.

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)*

Trong những năm qua, thuế TNDN vẫn đóng vai trò là một trong những sắc thuế chính của hệ thống thuế Việt Nam. Thuế TNDN đã góp phần điều tiết các khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất - kinh doanh, tạo nguồn thu lớn và ngày càng ổn định cho NSNN, thúc đẩy sản xuất - kinh doanh, điều tiết vĩ mô nền kinh tế, từng bước cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cả trong nước và quốc tế.

Tỷ trọng thuế TNDN trên GDP của Việt Nam có xu hướng giảm, trung bình từ 6,18% GDP trong giai đoạn 2010 - 2015 xuống 4,35% GDP trong giai đoạn 2016 - 2019. Mặc dù vậy, tỷ trọng thu thuế TNDN của Việt Nam vẫn cao hơn so với các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và tương đối tốt so với các nước trong khu vực.

Về tốc độ thu thuế TNDN, trong giai đoạn 2010 - 2019 có 3 năm (2014, 2015, 2016) tăng trưởng âm, hay quy mô giảm (lần lượt là -10%, -4% và -6%), do ảnh hưởng từ việc điều chỉnh giảm thuế suất thuế TNDN<sup>2</sup>. Kết quả này có chung xu hướng giảm so với các nước trên thế giới<sup>3</sup>.

- 1 Indonesia là 12% GDP, Thái Lan 17% GDP, Myanmar là 5% GDP, Singapore 14%, Trung Quốc 14% GDP và chỉ thấp hơn một số nước như Israel là 25%...
- 2 Từ ngày 01/01/2009, thuế suất thuế TNDN giảm từ 28% xuống 25%, từ ngày 01/01/2014 giảm xuống 22%, từ ngày 01/01/2016, mức thuế suất phổ thông là 20%.
- 3 Tỷ trọng thu từ thuế TNDN so với tổng thu từ thuế tại các nước OECD giảm trung bình từ 10,3% (năm 2005) xuống 8,8% (năm 2014). Một số



### *Thuế giá trị gia tăng (GTGT)*

Trong giai đoạn 2006 - 2018, tỷ lệ thuế GTGT so với tổng thu thuế cả giai đoạn là 24%, tăng từ 19% (năm 2006) lên 24,2% (năm 2018). Trong đó, tỷ lệ bình quân giai đoạn 2006 - 2010 là 22,4%; giai đoạn 2011 - 2015 là 25,6% và giai đoạn 2016 - 2018 là 24,1%, mặc dù thấp hơn giai đoạn trước nhưng vẫn cao hơn mức bình quân 5 năm 2006 - 2010.

Quy mô thu thuế GTGT có xu hướng tăng dần qua các năm, từ 5,82% GDP lên 6% trong năm 2015, tăng dần lên 6,21% GDP trong năm 2018, năm 2019 có xu hướng giảm xuống 6,01% GDP. Mức đóng viên thu thuế GTGT so GDP ở Việt Nam cũng tương tự với mức trung bình của các nước OECD khi tỷ trọng thu thuế tiêu dùng ở các nước OECD đạt 2,9 - 3% GDP trong giai đoạn 2011 - 2017. So với các nước trong khu vực thì tỷ lệ thuế GTGT trên GDP của Việt Nam cũng ở mức tương đương hoặc cao hơn.

### *Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)*

Cùng với thuế GTGT thì thuế TTĐB cũng là một sắc thuế tiêu dùng quan trọng trong hệ thống thuế của Việt Nam, cũng như các quốc gia trên thế giới. Thuế TTĐB không chỉ tạo nguồn thu cho ngân sách, đảm bảo nguồn lực thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà còn định hướng sản xuất và tiêu dùng.

Số thu từ thuế TTĐB hàng sản xuất trong nước trung bình giai đoạn 2011 - 2019 tương đương 1,61% GDP. Trong năm 2012 và 2014, tỷ lệ thu từ thuế TTĐB giảm lần lượt là 1,3% và 1,4%, nhưng sau đó đã tăng mạnh lên 1,92% vào năm 2016 và duy trì ở mức 1,7% trong giai đoạn 2017 - 2019. Trong khi đó, thuế TTĐB hàng nhập khẩu tăng nhanh vào năm 2008, 2009 (lần lượt là

---

nước trong khu vực châu Á cũng giảm tỷ trọng thu từ thuế TNDN so với tổng thu ngân sách: Singapore giảm từ 25,69% (năm 2008) xuống 21,98% (năm 2014); Indonesia giảm từ 30,87% (năm 2005) xuống 23,97% (năm 2014); Thái Lan giảm từ 24,9% (năm 2005) xuống 22,99% (năm 2014)...

0,64% GDP và 0,68% GDP), sau đó giảm xuống còn 0,45% GDP (năm 2017). Tỷ trọng thuế TTĐB của Việt Nam thấp hơn hẳn so với các nước OECD (3,3% GDP). Kết quả này cũng là thấp hơn so với các nước trong khu vực (Lê Minh Tuấn, 2020).

Như vậy, cùng với sự phát triển nhanh của nền kinh tế và thực hiện cải cách chính sách thuế, quy mô thu ngân sách ngày càng tăng và đạt 24 - 25% GDP trong những năm gần đây, là mức cao so với các nước đang phát triển trong khu vực; qua đó góp phần quan trọng đảm bảo tăng chi ngân sách đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Thuế TNDN, GTGT, TTĐB là những sắc thuế quan trọng trong nguồn thu thuế. So với các nước, tỷ trọng thu thuế trên GDP của những khoản thuế này cao hơn, hoặc ở mức tương đương, phản ánh hiệu quả thu thuế của Việt Nam tương đối tốt.

### *Công tác quản lý thuế*

Thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020, công tác quản lý thuế đã được hiện đại hóa toàn diện theo định hướng chuẩn mực quốc tế cả về phương pháp quản lý, thủ tục hành chính. Tính đến ngày 30/6/2020 có 96% số tờ khai thuế đã được nộp so với tổng số tờ khai thuế phải nộp theo quy định của pháp luật (mục tiêu đạt tối thiểu là 95%), 96% số tờ khai đã được nộp đúng hạn so với tổng số tờ khai thuế đã nộp (mục tiêu đạt tối thiểu 95%). Từ năm 2014, ngành thuế đã đạt mục tiêu tỷ lệ tờ khai không có lỗi số học đạt tối thiểu 95%, do các tờ khai đã được hỗ trợ kiểm tra tự động trên hệ thống

Với mục tiêu nợ thuế đến thời điểm ngày 31/12 hằng năm không vượt quá 5% so với số thực hiện thu của năm đó, tỷ lệ tổng nợ thuế so với tổng thu ngân sách đã giảm dần qua các năm nhưng vẫn cao hơn so với mục tiêu đề ra. Tính đến cuối tháng 10/2020, tỷ lệ tổng nợ thuế trên tổng dự toán thu ngành thuế quản lý năm 2020 là 8,3% (cùng kỳ năm 2019 là 7,4%; cuối năm 2019 là 6,7%). Ngành thuế đã có nhiều nỗ lực trong



công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế tuy nhiên do ảnh hưởng của thiên tai, dịch Covid-19 nên nhiều người nộp thuế gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, làm giảm số thu ngân sách và tăng nợ đọng thuế.

Lũy kế tính đến tháng 12/2019, tỷ lệ thu nợ đạt 90,8% nợ có khả năng thu tại thời điểm ngày 31/12/2018 (mục tiêu tỷ lệ thu nợ đạt tối thiểu 80% nợ có khả năng thu ngày 31/12 hằng năm). Lũy kế tính đến tháng 10/2020 thu đạt 22.713 tỷ đồng, đạt 53,7% nợ có khả năng thu ngày 31/12/2019.

Như vậy, các chỉ tiêu về tỷ lệ khai nộp thuế, tỷ lệ nợ thuế, tỷ lệ thu nợ tương đối tốt, đã đạt được mục tiêu đề ra so với Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020, phản ánh một phần hiệu quả thu thuế của Việt Nam tương đối tích cực.

### ***Nhân tố hỗ trợ thu thuế***

#### ***Thể chế chính sách***

Luật Quản lý thuế đã hình thành hành lang pháp lý tương đối đầy đủ và rõ ràng của công tác quản lý nợ thuế từ việc xác định số tiền nợ thuế, tính tiền chậm nộp, quy định các biện pháp đôn đốc tiền thuế nợ và cưỡng chế thuế; quy định các trường hợp được gia hạn nộp thuế, nộp dần tiền thuế nợ; xóa nợ tiền thuế, tiền phạt. Ngoài ra còn có Thông tư số 66/2010/TT-BTC, Thông tư số 201/2013/TT-BTC, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP và Thông tư số 41/2017/TT-BTC.

Trong những năm qua, cơ quan quản lý thuế các cấp đã chủ động thực hiện nhiều biện pháp hữu hiệu nhằm kiểm soát chặt chẽ tình trạng chuyển giá, báo lỗ, chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài. Cơ quan thuế đã thành lập bộ phận quản lý rủi ro, với chức năng là thu thập, phân tích thông tin, đánh giá rủi ro trong các khâu quản lý thuế; phân loại rủi ro trong việc chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân nộp thuế; nghiên cứu, xây dựng và tổ chức triển khai ứng dụng các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ quản lý rủi ro.

Đến nay, cơ quan thuế đã thành lập Phòng Thanh tra giá chuyên nhượng (thuộc Vụ Thanh tra) tại Tổng cục Thuế và tại 4 cục thuế<sup>4</sup>. Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý giao dịch liên kết từng bước được xây dựng để phục vụ công tác thanh tra giá chuyên nhượng đối với các ngành nghề có rủi ro cao về thuế TNDN.

### *Phổ biến, tuyên truyền Luật và cải cách thủ tục hành chính*

Các luật, nghị định về thuế và các văn bản quy phạm pháp luật thuế được tuyên truyền, phổ biến với nhiều hình thức như đăng tải toàn văn các quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính, trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế, mở lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, tổ chức các cuộc hội thảo chuyên đề hoặc các hội nghị đối thoại doanh nghiệp hằng năm.

Kết quả khảo sát đánh giá thủ tục hành chính hải quan và thuế năm 2016 của VCCI cho thấy, trong lĩnh vực hải quan có trên 90% doanh nghiệp hài lòng, hoàn toàn hài lòng về việc tiếp cận thông tin thủ tục hành chính hải quan qua website của cơ quan hải quan, cũng như qua các lớp tập huấn hoặc đối thoại hải quan; trong lĩnh vực thuế có trên 92% doanh nghiệp hài lòng trong việc tiếp cận thông tin về chính sách, pháp luật thuế thông qua việc tham gia tập huấn, tham gia đối thoại và truy cập trang website; có 87% doanh nghiệp đánh giá “thông tin về thủ tục hành chính thuế sẵn có, dễ tìm” và “thông tin doanh nghiệp được cơ quan thuế cung cấp” là thống nhất. Những phương thức tiếp cận thông tin khác như trao đổi trực tiếp, gọi điện, gửi công văn hoặc qua tờ rơi, ấn phẩm cũng có trên 80% doanh nghiệp hài lòng, hoàn toàn hài lòng, 78% doanh nghiệp đánh giá dễ tiếp cận các văn bản của Trung ương về thuế. Tỷ lệ tương ứng đối với các văn bản, công

---

4 Cục Thuế thành phố Hà Nội, Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh, Cục Thuế tỉnh Bình Dương và Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.



văn của Bộ Tài chính hay Tổng cục Thuế là 77%, đối với văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương là 72%.

Báo cáo môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới (DB) năm 2020 đã ghi nhận những nỗ lực của Việt Nam trong việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để tăng mức độ thuận lợi về thuế cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Thời gian nộp thuế hiện nay của Việt Nam là 384 giờ, trong đó thuế là 37 giờ, bảo hiểm xã hội 147 giờ, giảm 557 giờ so với DB 2011, giảm 114 giờ so với DB 2019, đạt và vượt mục tiêu mà Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 đề ra.

## 2. Những vấn đề đặt ra trong hiệu quả thu thuế

Mặc dù kết quả thu thuế ở Việt Nam đạt được một số kết quả nhất định, tuy nhiên, tốc độ tăng thu ngày một giảm dần và còn tình trạng thất thoát thuế.

### *Tình hình trốn thuế, gian lận thuế của các doanh nghiệp*

Theo Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước một số năm gần đây, tình trạng người nộp thuế kê khai thiếu doanh thu, xác định sai chi phí, từ đó tính thiếu thuế GTGT, thuế TNDN và lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN, nợ thuế vẫn diễn ra phổ biến và không có dấu hiệu thuyên giảm. Kiểm toán Nhà nước xác định số phải nộp NSNN tăng thêm 11.365 tỷ đồng trong năm 2015, 19.109 tỷ đồng trong năm 2016 và 19.858 tỷ đồng trong năm 2017. Đặc biệt, năm 2017, qua thực hiện phương pháp đối chiếu thuế 3.171 doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại 49 địa phương, số xác định nộp NSNN tăng thêm là 1.635 tỷ đồng tại 2.921 doanh nghiệp (chiếm 92,1% doanh nghiệp đối chiếu).

Theo số liệu của Tổng cục Thuế, trong giai đoạn 2010 - 2018, công tác thanh tra kiểm tra của ngành thuế đã phát hiện có tổng số 642.423 doanh nghiệp vi phạm thuế TNDN với tổng số thuế TNDN thu về là 35.922,09 tỷ đồng và giảm lỗ là 185.002,2 tỷ

đồng. Trong suốt giai đoạn này, số doanh nghiệp vi phạm tăng mạnh, từ 31.759 doanh nghiệp (năm 2010) lên 103.211 doanh nghiệp (năm 2017) và 95.936 doanh nghiệp (năm 2018); lượng giảm lỗ tăng mạnh từ 10.841,9 tỷ đồng (năm 2010) lên 40.914,56 tỷ đồng (năm 2018), góp phần làm tăng số thuế thu về cho NSNN từ 1.783,07 tỷ đồng (0,37% tổng thu thuế) trong năm 2010 lên 7.144,73 tỷ đồng (0,77% tổng thu thuế hay 2,85% số thu từ thuế TNDN) trong năm 2018.

Đáng chú ý là, tình trạng chuyển giá của khu vực doanh nghiệp FDI ngày càng gia tăng, phức tạp. Tốc độ tăng mức đóng góp vào NSNN quá thấp so với tốc độ tăng lợi nhuận là chưa tương xứng với nguồn tài nguyên và kết quả sản xuất - kinh doanh thực tế của khu vực doanh nghiệp FDI. Báo cáo của Bộ Tài chính cũng cho thấy, tốc độ tăng về số nộp NSNN (7%) của khu vực FDI năm 2017 so với năm 2016 thấp hơn tốc độ tăng về lợi nhuận trước thuế (19,2%) và lợi nhuận sau thuế (22,6%), cho thấy đóng góp vào NSNN của doanh nghiệp FDI tăng trưởng chậm hơn so với tăng trưởng của năng lực hoạt động.

#### *Tình trạng nợ thuế*

Theo Tổng cục Thuế, khoản nợ thuế do ngành thuế quản lý tiếp tục tăng qua các năm và diễn ra ở nhiều khoản thu, sắc thuế. Tính đến ngày 30/9/2018, tổng số tiền thuế nợ do 63 cục thuế quản lý là 82.961 tỷ đồng; tiền nợ thuế không có khả năng thu hồi là 34.942 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng hơn 42% tổng số tiền nợ thuế, tăng 3.473 tỷ đồng so với thời điểm ngày 01/12/2017.

Số liệu từ Báo cáo tổng hợp kết quả Kiểm toán Nhà nước các năm 2015, 2016 và 2017 cho thấy, nợ thuế do ngành hải quan quản lý có xu hướng giảm nhưng nợ khó thu lại tăng. Nợ thuế quá hạn đến ngày 31/12/2015 là 6.529 tỷ đồng, giảm 8,18% (581 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2014. Nợ quá hạn đến ngày 31/12/2017 là 6.836 tỷ đồng, giảm 7,8% (578,08 tỷ đồng) so với năm 2016.



## Chi tiêu thuế còn lớn

Theo thống kê của Tổng cục thuế, lĩnh vực, địa bàn được hưởng ưu đãi thuế hiện hành được mở rộng tương đối nhiều. Về lĩnh vực ưu đãi thuế TNDN, hiện có 30 nhóm lĩnh vực, ngành nghề; địa bàn ưu đãi thuế theo pháp luật về đầu tư hiện có 54/64 tỉnh, thành phố. Thêm vào đó là các khu kinh tế, khu công nghệ cao và các khu công nghiệp (trừ khu công nghiệp tại địa bàn thuận lợi). Việc bổ sung các lĩnh vực ưu đãi nêu trên có tác dụng tạo môi trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn, góp phần thu hút đầu tư, tuy nhiên cũng làm giảm số thu NSNN đáng kể. Số lượng doanh nghiệp FDI được hưởng ưu đãi thuế TNDN và số thuế TNDN được ưu đãi của doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng cao trong tổng số các trường hợp được ưu đãi thuế TNDN. Nguyên nhân cơ bản là do các nhà đầu tư nước ngoài thường lựa chọn đầu tư vào các ngành nghề, lĩnh vực thuộc danh mục được ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế và thực hiện tại các địa bàn ưu đãi thuế như khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế. Trong khi đó, số thuế phát sinh phải thu của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chiếm đa số trong tổng thu về thuế TNDN của cả nước.

Tại Việt Nam, mặc dù hệ thống thuế ban hành tương đối đầy đủ nhưng vẫn chưa bao quát hết nguồn thu, cùng với một số bất cập trong chính sách dẫn tới tình trạng thất thu thuế, cũng như tạo kẽ hở cho các hành vi “trốn”, “tránh” thuế. Số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế trong thuế GTGT còn nhiều (25 nhóm) và không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đã làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp và làm tăng giá bán ra, ảnh hưởng đến các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng. Diện chịu thuế trong thuế TTĐB còn hẹp, chưa bao quát hết được nhiều mặt hàng phải hạn chế tiêu dùng. Một số khoản thu nhập được miễn thuế trong thuế TNDN chưa được quy định rõ ràng, minh bạch dẫn đến thực hiện chưa thống nhất...

Bên cạnh đó, tính tuân thủ thuế của người nộp thuế chưa cao. Theo Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước một số năm gần đây, tình trạng người nộp thuế kê khai thiếu



doanh thu, xác định sai chi phí, từ đó tính thiếu thuế GTGT, thuế TNDN và lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN, nợ thuế vẫn diễn ra phổ biến và không có dấu hiệu giảm.

Việc các doanh nghiệp kê khai lỗ nhiều năm liên tiếp để trốn đóng thuế TNDN cũng khá phổ biến, điển hình là các doanh nghiệp FDI. Thống kê những năm qua cho thấy, cả nước có khoảng 50% doanh nghiệp FDI kê khai lỗ, trong đó nhiều doanh nghiệp thua lỗ liên tục trong nhiều năm liên tiếp. Điển hình như tại thành phố Hồ Chí Minh có gần 60% trong số trên 3.500 doanh nghiệp FDI thường xuyên kê khai lỗ trong nhiều năm; tương tự tại tỉnh Lâm Đồng với 104/111 doanh nghiệp FDI báo cáo lỗ liên tục; tỉnh Bình Dương cũng có đến 50% doanh nghiệp FDI báo cáo lỗ từ năm 2006 - 2013.

### **3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thu thuế ở Việt Nam**

#### *Hoàn thiện hệ thống thuế*

Hoàn thiện hệ thống chính sách về thuế, theo hướng đơn giản, minh bạch, công khai, công bằng, trung lập và mở rộng cơ sở thuế nhằm tăng thu cho NSNN. Đây là giải pháp quan trọng vì chính sách thuế là nhân tố quan trọng tác động đến ý thức tuân thủ thuế của người nộp thuế, không chỉ góp phần giảm bớt chi phí mà còn giảm bớt hành vi trốn tránh thuế.

#### *Tăng cường quản lý hóa đơn chứng từ*

Thắt chặt công tác quản lý về in ấn, phát hành, sử dụng hóa đơn, nhất là hóa đơn các doanh nghiệp tự phát hành. Đảm bảo chỉ có doanh nghiệp có tiến hành hoạt động sản xuất - kinh doanh mới được mua hóa đơn. Để thực hiện tốt giải pháp này đòi hỏi cơ quan thuế phải kiểm tra thật kỹ các doanh nghiệp đến xin mua hóa đơn. Đồng thời tăng cường khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử theo Luật Quản lý thuế (sửa đổi) được Quốc hội thông qua, từ ngày 01/7/2022, cơ quan, tổ chức, cá nhân bắt buộc phải sử dụng hóa đơn điện tử. Theo các chuyên gia và các nhà quản lý doanh nghiệp, việc sử dụng hóa đơn điện tử sẽ



giúp giảm thiểu chi phí, rút ngắn thời gian cho doanh nghiệp, đồng thời góp phần tăng cường tính minh bạch, giúp cơ quan thuế theo dõi được các hoạt động kinh tế, giảm rủi ro của các giao dịch không chính thức. Cần khuyến khích các đối tượng tiêu dùng, đặc biệt là người dân, khi mua hàng phải lấy hóa đơn, chứng từ, thông qua việc tổ chức lễ bốc thăm trúng thưởng theo số trên hóa đơn mà người mua hàng có, hoặc có thể tiến hành cho đổi một số lượng hóa đơn nhất định lấy một số tiền hay món quà nào đó. Tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp mới thành lập về việc sử dụng hóa đơn, chứng từ và các tài liệu kèm theo.

### *Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin*

Phát triển hệ thống công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý thuế có tính liên kết, tự động hóa cao, gắn với cải cách thủ tục hành chính thuế, áp dụng thuế điện tử và phương pháp quản lý rủi ro trong quản lý thuế. Kết nối, tích hợp, trao đổi thông tin dữ liệu giữa cơ quan thuế với các cơ quan thuộc Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương; số hóa các giao dịch nội bộ; các quy chuẩn, tiêu chuẩn về dịch vụ nền tảng công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật trong ngành thuế.

### *Xử lý hiệu quả các khoản nợ thuế*

Cán bộ thuế thuộc bộ phận quản lý nợ thực hiện đầy đủ các quy trình về việc đôn đốc, thông báo về tình trạng nợ thuế; xử lý nghiêm minh đối tượng nộp thuế cố tình không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào NSNN. Đồng thời, thực hiện đúng quy trình đối với các khoản nợ có thời gian nợ khác nhau và thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế đối với các đối tượng nợ thuế trên 90 ngày như cưỡng chế hoá đơn, tài khoản ngân hàng, kết hợp với phòng đăng ký kinh doanh thu hồi giấy phép...

Ngoài ra cần đẩy mạnh công tác kiểm tra các doanh nghiệp đã từng trốn thuế, các doanh nghiệp nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm. Tăng cường quản lý chống chuyên giá thông qua việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về chống chuyên giá, tiến hành cải

cách thu hướng đến phù hợp với các hướng dẫn của OECD về chuyên giá.

### *Tăng cường tuyên truyền về pháp luật thuế*

Đa dạng hóa công tác tuyên truyền, hỗ trợ bằng các hình thức khác nhau, giúp tăng mức độ hiểu biết của người nộp thuế. Khi các chính sách thuế mới được sửa đổi và ban hành, cơ quan thuế từ trung ương đến địa phương cần thường xuyên tổ chức các hội nghị, tập huấn, các hội thảo chuyên đề, các cuộc đối thoại với các doanh nghiệp để trực tiếp giải đáp thắc mắc, tháo gỡ khó khăn, cũng như lắng nghe ý kiến nghị của họ, giúp doanh nghiệp an tâm đẩy mạnh hoạt động sản xuất - kinh doanh, đồng thời cảnh báo gian lận, vi phạm chế độ trong chính sách thuế nhằm chủ động trong việc ngăn chặn các hành vi gian lận và sai phạm về thuế.

*Nâng cao chất lượng của nhân lực quản lý thuế, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ*

Để phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, giúp người lao động có thể làm chủ và sử dụng thành thạo máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại, thì cần đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực. Đây được xem là một trong những biện pháp quan trọng nhất cần được ưu tiên hàng đầu.

**Nguyễn Thị Thu**

## **Tài liệu tham khảo**

1. Phạm Thị Tường Vân (2018), *Chống chuyển giá của các công ty xuyên quốc gia và giải pháp đối với Việt Nam*.
2. Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020.
3. Văn Gia (2020), *Chống thất thu thuế tại doanh nghiệp FDI: Vẫn còn khó khăn*, báo Đồng Nai ngày 17/01/2020.
4. VERP (2020), *Trốn và tránh thuế ở Việt Nam trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp*.